

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỶ 1 NĂM HỌC 2026-2027

(Tuần 6 - Từ ngày 05 tháng 10 đến 11 tháng 10 năm 2026)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học /Tổng số buổi học																Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần									
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7			CN								
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học			Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi				
1	DH	18	20261AT6024002	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	25							1,2,3,4,5,6	416-A10	5/10														Lê Đình Đạt	KCKDL			
2	DH	18	20261AT6024001	Mô hình hóa và mô phỏng hệ thống cơ điện tử ô tô	CL	25							7,8,9,10,11,12	416-A10	5/10															Lê Đình Đạt	KCKDL		
3	DH	18	20261AT6078002	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	25				1,2,3,4,5,6	416-A10	5/10																		Lê Đình Đạt	KCKDL		
4	DH	18	20261AT6078001	Thí nghiệm cơ điện tử ô tô	CL	25				7,8,9,10,11,12	416-A10	5/10																		Lê Đình Đạt	KCKDL		
5	DH	19	20261AT6023001	Mô hình hóa và mô phỏng động cơ	CL	21				1,2,3,4,5,6	501-A10	5/10																		Nguyễn Phi Trường	KCKDL		
6	DH	19	20261AT6023002	Mô hình hóa và mô phỏng động cơ	CL	21				7,8,9,10,11,12	516-A10	5/10																		Nguyễn Phi Trường	KCKDL		
7	DH	18	20261AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25											7,8,9,10,11,12	408-A10	5/15											Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX		
8	DH	18	20261AT6052010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25											1,2,3,4,5,6	408-A10	5/15											Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX		
9	DH	18	20261AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25														7,8,9,10,11,12	408-A10	5/15								Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX		
10	DH	18	20261AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	404-A10	5/15																		Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX		
11	DH	18	20261AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25								7,8,9,10,11,12	408-A10	5/15														Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX		
12	DH	18	20261AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25	13,14,15,16,17	404-A10	5/15																					Bùi Văn Hải	TT. TH & DL CX		
13	DH	18	20261AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25				13,14,15,16,17	404-A10	5/15																		Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX		
14	DH	18	20261AT6052015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25												13,14,15,16,17	408-A10	5/15										Nguyễn Thế Anh	TT. TH & DL CX		
15	DH	18	20261AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25														13,14,15,16,17	408-A10	1/5								Phạm Việt Thành	TT. TH & DL CX		
16	DH	18	20261AT6052016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	1	25														1,2,3,4,5,6	409-A10	1/5								Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX		
17	DH	18	20261AT6052_TA001	Automotive Diagnostic and Repair	1	25											1,2,3,4,5,6	404-A10	5/15											Nguyễn Xuân Khoa	TT. TH & DL CX		
18	DH	18	20261AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	418-A10	5/15																		Nguyễn Trung Kiên	TT. TH & DL CX		
19	DH	18	20261AT6057008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25								7,8,9,10,11,12	403-A10	5/15														Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX		
20	DH	18	20261AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25								1,2,3,4,5,6	403-A10	5/15															Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX	
21	DH	18	20261AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				7,8,9,10,11,12	403-A10	5/15																			Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX	
22	DH	18	20261AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25	1,2,3,4,5,6	418-A10	5/15																						Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX	
23	DH	18	20261AT6057006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				1,2,3,4,5,6	403-A10	5/15																			Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX	
24	DH	18	20261AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25								1,2,3,4,5,6	418-A10	5/15															Nguyễn Huy Chiến	TT. TH & DL CX	
25	DH	18	20261AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25									7,8,9,10,11,12	419-A10	5/15														Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX	
26	DH	18	20261AT6057014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	27												7,8,9,10,11,12	403-A10	5/15											Nguyễn Thành Bắc	TT. TH & DL CX	
27	DH	18	20261AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25														7,8,9,10,11,12	403-A10	5/15									Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX	
28	DH	18	20261AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25				13,14,15,16,17	419-A10	5/15																			Bùi Văn Chinh	TT. TH & DL CX	
29	DH	18	20261AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25									13,14,15,16,17	419-A10	5/15														Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX	
30	DH	18	20261AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện-điện tử ô tô	1	25												13,14,15,16,17	418-A10	5/15											Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX	
31	DH	18	20261AT6057_TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	1	28												1,2,3,4,5,6	418-A10	5/15											Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX	
32	DH	18	20261AT6079001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	1	25												7,8,9,10,11,12	419-A10	5/10											Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX	
33	DH	18	20261AT6079002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa hệ thống cơ điện tử ô tô	1	25												7,8,9,10,11,12	418-A10	5/10											Bùi Văn Chinh	TT. TH & DL CX	
34	DH	18	20261AT6097001	Kĩ thuật chẩn đoán và sửa chữa động cơ	1	21	7,8,9,10	412-A10	5/15																						Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX	
35	DH	18	20261AT6097001	Kĩ thuật chẩn đoán và sửa chữa động cơ	2	21				13,14,15,16	413-A10	5/15																				Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX
36	DH	19	20261AT6043001	Kết cấu ô tô	1	22	1,2,3,4,5,6	408-A09	5/15																						Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX	
37	DH	19	20261AT6043002	Kết cấu ô tô	1	22	7,8,9,10,11,12	408-A09	5/15																						Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX	
38	DH	19	20261AT6043003	Kết cấu ô tô	1	22	13,14,15,16,17	408-A09	5/15																							Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
39	DH	19	20261AT6043004	Kết cấu ô tô	1	22				1,2,3,4,5,6	408-A10	5/15																				Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
40	DH	19	20261AT6043005	Kết cấu ô tô	1	22				7,8,9,10,11,12	408-A10	5/15																				Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX
41	DH	19	20261AT6043007	Kết cấu ô tô	1	22								1,2,3,4,5,6	409-A10	5/15																Nguyễn Tuấn Nghĩa	TT. TH & DL CX
42	DH	19	20261AT6043008	Kết cấu ô tô	1	22								7,8,9,10,11,12	409-A10	5/15																Nguyễn Tuấn Nghĩa	TT. TH & DL CX
43	DH	19	20261AT6043009	Kết cấu ô tô	1	22								13,14,15,16,17	409-A10	5/15																Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX
44	DH	19	20261AT6043010	Kết cấu ô tô	1	22												1,2,3,4,5,6	409-A10	5/15												Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
45	DH	19	20261AT6043011	Kết cấu ô tô	1	22												7,8,9,10,11,12	409-A10	5/15												Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
46	DH	19	20261AT6043012	Kết cấu ô tô	1	22								13,14,15,16,17	409-A10	5/15																Đoàn Công Thành	TT. TH & DL CX
47	DH	19	20261AT6043013	Kết cấu ô tô	1	22												1,2,3,4,5,6	409-A10	5/15												Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX
48	DH	19	20261AT6043014	Kết cấu ô tô	1	22												7,8,9,10,11,12	409-A10	5/15												Chu Đức Hùng	TT. TH & DL CX
49	DH	19	20261AT6043015	Kết cấu ô tô	1	22												13,14,15,16,17	409-A10	5/15												Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX
50	DH	19	20261AT6043016	Kết cấu ô tô	1	22													1,2,3,4,5,6	404-A10	5/15											Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX

49	DH	19	20261AT6043015	Kết cấu ô tô	1	22												13,14,15,16,17	409-A10	5/15										Nguyễn Thành Vinh	TT. TH & DL CX		
51	DH	19	20261AT6043017	Kết cấu ô tô	1	22															7,8,9,10,11,12	404-A10	5/15							Lê Hữu Chúc	TT. TH & DL CX		
52	DH	19	20261AT6043018	Kết cấu ô tô	1	22															13,14,15,16,17	404-A10	5/15							Lê Đình Mạnh	TT. TH & DL CX		
53	DH	19	20261AT6043_TA001	Automotive Chassis Engineering	1	20							7,8,9,10,11,12	404-A10	5/15																Nguyễn Xuân Khoa	TT. TH & DL CX	
54	DH	20	20261SM6172001	Phân tích mạch điện trên ô tô	1	30	1,2,3,4,5,6	419-A10	5/10																						Nguyễn Thành Vinh/	TT. TH & DL CX	
55	DH	20	20261SM6172002	Phân tích mạch điện trên ô tô	1	30													1,2,3,4,5,6	419-A10	5/10										Ngô Quang Tào	TT. TH & DL CX	
56	DH	18	20261ME6038001	Thực hành gia công tia lửa điện	1	22	1,2,3,4,5,6	101-A10	5/10																						Nguyễn Mai Anh	TT. TH & DL CX	
57	DH	18	20261ME6096001	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	1	25							1,2,3,4,5,6	101/102-A10	4/15																Nguyễn Văn Đức	TT. TH & DL CX	
58	DH	18	20261ME6096002	Thực hành gia công, lắp ráp khuôn	1	23							7,8,9,10,11,12	101/102-A10	4/15																Vũ Đình Toàn	TT. TH & DL CX	
59	DH	18	20261ME6113001	Thực hành CNC	1	22	1,2,3,4,5,6	102-A10	5/10																						Vũ Đình Toàn	TT. TH & DL CX	
60	DH	18	20261ME6113004	Thực hành CNC	1	24					1,2,3,4,5,6	102-A10	5/10																			Đào Ngọc Hoàng	TT. TH & DL CX
61	DH	18	20261ME6113010	Thực hành CNC	1	22												1,2,3,4,5,6	102-A10	5/10												Trần Ngọc Tân	TT. TH & DL CX
62	DH	18	20261ME6113013	Thực hành CNC	1	22														1,2,3,4,5,6	102-A10	5/10										Trần Ngọc Tân	TT. TH & DL CX
63	DH	18	20261ME6113016	Thực hành CNC	1	22																1,2,3,4,5,6	102-A10	5/10								Đào Ngọc Hoàng	TT. TH & DL CX
64	DH	18	20261ME6113003	Thực hành CNC	1	24	13,14,15,16,17	102-A10	5/12																							Phạm Văn Trình	TT. TH & DL CX
65	DH	18	20261ME6113006	Thực hành CNC	1	22						13,14,15,16,17	101-A7	5/12																		Nguyễn Anh Thắng	TT. TH & DL CX
66	DH	18	20261ME6113009	Thực hành CNC	1	22											13,14,15,16,17	102-A10	5/12													Vũ Đình Toàn	TT. TH & DL CX
67	DH	18	20261ME6113012	Thực hành CNC	1	22											13,14,15,16,17	110-A9	5/12													Trần Ngọc Tân	TT. TH & DL CX
68	DH	18	20261ME6113002	Thực hành CNC	1	22	7,8,9,10,11,12	102-A10	5/10																							Vũ Đình Toàn	TT. TH & DL CX
69	DH	18	20261ME6113005	Thực hành CNC	1	24					7,8,9,10,11,12	102-A10	5/10																			Vũ Đình Toàn	TT. TH & DL CX
70	DH	18	20261ME6113008	Thực hành CNC	1	22							7,8,9,10,11,12	102-A10	5/10																	Trần Ngọc Tân	TT. TH & DL CX
71	DH	18	20261ME6113011	Thực hành CNC	1	22											7,8,9,10,11,12	112-A7	5/10													Nguyễn Văn Đức	TT. TH & DL CX
72	DH	18	20261ME6113014	Thực hành CNC	1	25													7,8,9,10,11,12	102-A10	5/10											Trần Ngọc Tân	TT. TH & DL CX
73	DH	20	20261SM6057001	Thí nghiệm cơ sở thiết kế cơ khí	1	30					7,8,9	312-A10	5/5																			Đỗ Ngọc Tú	TT. TH & DL CX
74	DH	20	20261SM6057_EN001	Experimental Facility Design Tool	1	16								1,2,2003	312-A10	5/5																Đỗ Ngọc Tú	TT. TH & DL CX
75	DH	21	20261SM6138_EN001	Basic Mechanical Practice	1	21														1,2,3,4,5	114-A7	5/12										Nguyễn Anh Thắng	TT. TH & DL CX
76	DH	21	20261SM6138_EN002	Basic Mechanical Practice	1	21														7,8,9,10,11	114-A7	5/12										Nguyễn Anh Thắng	TT. TH & DL CX
77	DH	18	20261AT6025013	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25	13,14,15,16,17	516A10	5/12																							Nguyễn Xuân Hiền	Khoa CNOTO
78	DH	18	20261AT6025_TA001	Automotive Modeling and Simulation Systems	CL	28							1,2,3,4,5,6	516A10	5/10																	Nguyễn Xuân Hiền	Khoa CNOTO
79	DH	18	20261AT6025006	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25							7,8,9,10,11,12	516A10	5/10																	Nguyễn Xuân Hiền	Khoa CNOTO
80	DH	18	20261AT6025007	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25												1,2,3,4,5,6	516A10	5/10												Nguyễn Xuân Hiền	Khoa CNOTO
81	DH	18	20261AT6025008	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25											7,8,9,10,11,12	516A10	4/10													Nguyễn Xuân Hiền	Khoa CNOTO
82	DH	18	20261AT6025010	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25														1,2,3,4,5,6	516A10	5/10										Nguyễn Xuân Hiền	Khoa CNOTO
83	DH	18	20261AT6029002	Thí nghiệm ô tô	CL	19							7,8,9,10,11,12	412A10	5/10																	Nguyễn Xuân Tuấn	Khoa CNOTO
84	DH	20	20261SM6106001	Thí nghiệm và xử lý số liệu ô tô	CL	24														1,2,3,4,5,6	404A10	5/5										Nguyễn Xuân Tuấn	Khoa CNOTO
85	DH	18	20261AT6025004	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25					1,2,3,4,5,6	516A10	5/10																			Trịnh Đức Phong	Khoa CNOTO
86	DH-KS	4	20261ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	1	21											13,14,15,16,17	101-A10	5/5													Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK
87	DH	18	20261AT6025011	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25															1,2,3,4,5,6	516A10	5/10									Trịnh Đức Phong	Khoa CNOTO
88	DH-KS	4	20261ME6174001	Các phương pháp gia công tiên tiến	2	21											13,14,15,16,17	101-A10	5/5													Nguyễn Thành Công	Khoa CNCK
89	DH	18	20261AT6025012	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25																										Trịnh Đức Phong	Khoa CNOTO
90	DH-KS	4	20261ME6175001	Gia công cắt gọt cao tốc	1	24																										Nguyễn Duy Khánh	Khoa CNCK
91	DH	19	20261AT6025002	Mô hình hóa và mô phỏng ô tô	CL	25	7,8,9,10,11,12	516A10	5/10																							Đỗ Văn Cường	Khoa CNOTO
92	DH-KS	4	20261ME6172001	Hệ thống sản xuất linh hoạt FMS và tích hợp CIM	1	20																										Nguyễn Văn Cảnh	Khoa CNCK